TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/KDTM-ST
Ngày 06/9/2023.

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bỉnh Quyền.

Bà Lường Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bảo Yến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2023/TLST-KDTM ngày 21/7/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-KDTM ngày 16/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-KDTM ngày 29/8/2023 giữa:

*Nguyên đơn***:** Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số …..., đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Nguyên A; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh huyện H, Bắc Thanh Hóa (Theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng N).

Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Thành T; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh huyện H, Bắc Thanh Hóa. (Theo giấy ủy quyền ngày 30/5/2023).

Địa chỉ: Phố Đ, thị trấn B, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Viết T, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2023, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của đại diện nguyên đơn thể hiện:

Ngày 14/5/2020 Ngân hàng N- Chi nhánh huyện H, Bắc Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Ngân hàng NN&PTNN) và bà Lê Thị P, ông Phạm Viết S ký hợp đồng tín dụng số 3518-LAV-202003507/HĐTD, hạn mức cho vay là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) mục đích vay để đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh hàng nông sản theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 26V8008987 ngày 07/5/2018, lãi suất vay được quy định tại hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 03 năm. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở cấp bốn 02 tầng diện tích xây dựng 63,6m^2, diện tích sàn 127,2m^2 theo Giấy nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CĐ893428, số vào sổ cấp GCN:CH01816 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Hoằng Hóa cấp ngày 10/10/2016, thửa đất số 330(1) tờ bản đồ 09 (E_48_08_111_b_4) bản đồ địa chính xã Hoằng Kim, có diện tích 96,8m^2 cho Phạm Viết S và Lê Thị Pg ở thôn N, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 17/11/2021 ông Phạm Viết S đã chết nên đã được Công ty Bảo hiểm Ngân hàng đền bù số tiền 115.925.293 đồng (Số tiền này ngân hàng đã thu nợ); số tiền còn lại tạm tính đến ngày 06/9//2023 khách hàng còn nợ tổng 224.241.723 đồng; trong đó: Nợ gốc 184.074.707 đồng; lãi trong hạn 16.338.167 đồng, lãi quá hạn 23.828.849 đồng; số tiền trên đến nay bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng NN&PTNN đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị Phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ trên và tiền lãi cho đến khi tất toán khoản nợ.

Nếu bà Lê Thị P không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 3518/047/15/2018/HĐBĐ ngày 27/4/2018 để xử lý toàn bộ khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Theo bản tự khai ngày 31/7/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn bà Lê Thị P thể hiện:

Ngày 14/5/2020 ông S, bà P vay của Ngân hàng NN&PTNN số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3514-LAV-202003507/HĐTD, mục đích vay để kinh doanh hàng nông sản, lãi suất vay được quy định tại hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 03 năm.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở cấp bốn 02 tầng diện tích xây dựng 63,6m^2, diện tích sàn 127,2m^2 theo GCNQSDĐ số CĐ893428, số vào sổ cấp GCN:CH01816 do UBND huyện H cấp ngày 10/10/2016, thửa đất số 330(1) tờ bản đồ 09 (E_48_08_111_b_4) bản đồ địa chính xã K, có diện tích 96,8m^2 cho ông là Phạm Viết S và bà Lê Thị Pg ở thôn N, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 17/11/2021 ông Phạm Viết S chết, sau khi ông S chết Công ty Bảo hiểm đền bù số tiền mua bảo hiểm là 115.925.293 đồng, gia đình đã trả nợ cho Ngân hàng, số tiền gốc còn lại 184.074.707 đồng và tiền lãi chưa trả do hiện nay bà P thường xuyên ốm đau, bệnh tật không có khả năng trả cho Ngân hàng. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho thêm thời gian để khi nào có ti ền thì sẽ trả dần cho Ngân hàng. Nếu không trả được thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện***:** Bố mẹ tôi vay tiền Ngân hàng để làm ăn nhưng thua lỗ, bố tôi chết còn mẹ ốm đau nên không có tiền trả cho Ngân hàng. Nay bố tôi đã chết, tài sản của bố mẹ là nhà và đất thì mẹ tôi đang quản lý toàn bộ nên Ngân hàng khởi kiện đòi nợ thì tôi không có ý kiến gì, vì bố mẹ tôi là người vay tiền của Ngân hàng chứ tôi không vay nên nay tôi không có trách nhiệm trả khoản nợ trên.

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2023: Theo GCNQSDĐ số CĐ893428, số vào sổ cấp GCN: CH01816 do UBND huyện H cấp ngày 10/10/2016 cho ông Phạm Viết Sinh và bà Lê Thị Phương ở thôn N, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có diện tích 96,8m^2, thửa đất số 330(1) tờ bản đồ 09 (E_48_08_111_b_4) bản đồ địa chính xã K; có tứ cạnh: Phía Bắc giáp thửa 330 (2), số đo 18,2m; phía Nam giáp thửa 331, số đo 18m; phía Đông giáp thửa 347, số đo 5,3m; phía Tây giáp ngõ đi, số đo 5,3 m và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở cấp bốn 02 tầng, tường xây gạch, khung cột bê tông chịu lực, mái bê tông cốt thép; diện tích xây dựng 63,6m^2; diện tích sàn 127,2 m^2, xây dựng năm2012 và toàn bộ công trình phụ gắn liền với nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bà Lê Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền 224.241.723 đồng (*Hai trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi mốt nghìn, bảy trăm hai mươi ba đồng*). Trong đó Tiền gốc 184.074.707 đồng, tiền lãi trong hạn 16.338.167 đồng, tiền lãi quá hạn 23.828.849 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2023) cho đến khi thi hành án xong, bà P còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 3518-LAV-202003507 ngày 14/5/2020. Nếu bà P không thi hành việc trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn số 3518/047/15/2018/HĐBĐ ngày 27/4/2018.

Về án phí: buộc bà P chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng NNo&PTNN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng N khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đây là quan hệ tranh chấp mà hai bên có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận nên xác định là quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là bà Lê Thị P có địa chỉ tại xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; do đó vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Viết S là chủ thể thực hiện ký kết hợp đồng tín dụng đã chết ngày 17/11/2021, anh Phạm Viết T là con trai duy nhất đã thành niên của ông S nên anh T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 14/5/2020 Ngân hàng NN&PTNN có ký Hợp đồng tín dụng số 3518-LAV-202003507, hạn mức cho vay là 300.000.000 đồng mục đích vay để đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh hàng nông sản theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 26V8008987 ngày 07/5/2018, lãi suất vay được quy định tại hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 03 năm; ông S, bà P đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng.

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; nay quá hạn trả nợ nhưng bà P không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 3514-LAV-202003507/HĐTD ngày 14/5/2020. Như vậy, việc Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam khởi kiện yêu cầu bà Phương trả toàn bộ số tiền gốc 184.074.707 đồng, lãi trong hạn 16.338.167 đồng, tiền lãi quá hạn 23.828.849 đồng và tính lãi tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà P thanh toán hết toàn bộ khoản nợ là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

[4] Về yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị P và anh Phạm Viết T thừa nhận khoản nợ hiện nay như Ngân hàng N khởi kiện là đúng và đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện thêm thời gian để khi nào có tiền thì sẽ trả dần cho Ngân hàng; nếu không trả được thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ngân hàng N không đồng ý theo đề nghị của bà P, anh T; đề nghị buộc bà P thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên của bà P và anh T.

[5] Đối với Hợp đồng thế chấp: Ông Phạm Viết S, bà Lê Thị P cùng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3518/047/15/2018/HĐBĐ ngày 27/4/2018; Biên bản xác định giá trị tài sản thế chấp ngày 14/5/2020 với Ngân hàng NN&PTNN, hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng Công chứng Quang Minh, số công chứng 953, quyển số 02/2018TP/CC-SCC-HĐGD. Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 330(1) tờ bản đồ 09 (E_48_08_111_b_4) bản đồ địa chính xã K, diện tích 96,8m^2 tại thôn N, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, theo GCNQSDĐ số CĐ893428, số vào sổ cấp GCN: CH01816 do UBND huyện H cấp ngày 10/10/2016 cho ông Phạm Viết S và bà Lê Thị P việc thế chấp tài sản đã được công chứng và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H bảo đảm theo quy định nên yêu cầu của nguyên đơn về việc có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nếu bà P không thực hiện việc thanh toán nợ cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Ông Phạm Viết S, bà Lê Thị P có quan hệ vợ chồng; ông S, bà P đã ký vào hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 3518/047/15/2018/HĐBĐ ngày 27/4/2018, nhưng ngày 17/11/2021 ông Sinh chết; đối với anh Phạm Viết T (con trai ông S bà P) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh T có biết việc ông S, bà Pg thế chấp tài sản để vay tiền Ngân hàng, nay ông Sinh đã chết, tài sản là nhà và đất thế chấp cho Ngân hàng hiện nay bà P đang quản lý, sử dụng, anh không có ý kiến gì; do đó cần buộc bà Lê Thị P thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền trên.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 4.601.000 đồng theo biên lai thu số AA/0011621 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 317; Điều 318; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồngthẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ngày 26/6/2023 của Ngân hàng N.

2. Buộc bà Lê Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền 224.241.723 đồng (*Hai trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi mốt nghìn, bảy trăm hai mươi ba đồng*). Trong đó Tiền gốc 184.074.707 đồng, tiền lãi trong hạn 16.338.167 đồng, tiền lãi quá hạn 23.828.849 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 3518-LAV-202003507 ngày 14/5/2020.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị P không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng vay vốn số 3518/047/15/2018/HĐBĐ ngày 27/4/2018 và biên bản thẩm định gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 96,8m^2 tại thửa đất số 330[(1)] tờ bản đồ 09 (E_48_08_111_b_4) bản đồ địa chính xã K đứng tên chủ sử dụng đất là ông Phạm Viết S và bà Lê Thị P, đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ893428, số vào sổ cấp GCN: CH01816 ngày 10/10/2016, có tứ cạnh: Phía Bắc giáp thửa 330[(2)], số đo 18,2m; phía Nam giáp thửa 331, số đo 18m; phía Đông giáp thửa 347, số đo 5,3m; phía Tây giáp ngõ đi, số đo 5,3m và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở cấp bốn 02 tầng, tường xây gạch, khung cột bê tông chịu lực, mái bê tông cốt thép; diện tích xây dựng 63,6m^2; diện tích sàn 127,2m^2, xây dựng năm 2012 và toàn bộ công trình phụ gắn liền với nhà.

3. Án phí: Buộc bị đơn bà Lê Thị P chịu 11.212.086 đồng (*Mười một triệu hai trăm mười hai nghìn không trăm tám mươi sáu đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 4.601.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm linh một nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0011621 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga